CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Ngày 31/12/2025	3,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.7%	**2.6%**	**6.5%**

DT thuần
Q4/25
491
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 179| 57.5%
YoY: ▲ 202| 70.1%

LN thuần
Q4/25
3.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.1| 121%
YoY: ▼30.9| -90.7%

LN sau thuế
Q4/25
22.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 34.7| 282%
YoY: ▼18.3| -45.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
6.9%
YoY: +/-▲ 0.6%

ROE
2025
3.8%
YoY: +/-▲ 1.9%

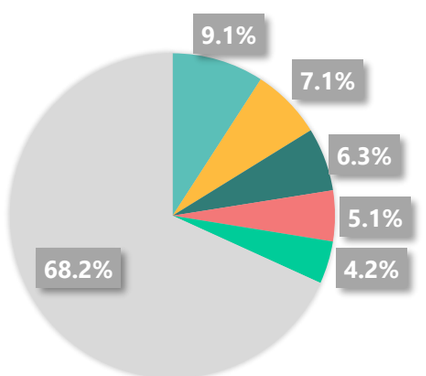
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,340 - 4,060
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,220
Số lượng CPLH (CP)	393,532,487
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,123,930
Sở hữu nước ngoài	5.6%
Beta	0.82
EPS	38
P/E	81.1

DT thuần
2025
1,220
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.00| -0.3%

LN thuần
2025
-37.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.30| -10.1%

LN sau thuế
2025
14.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.57| 103%

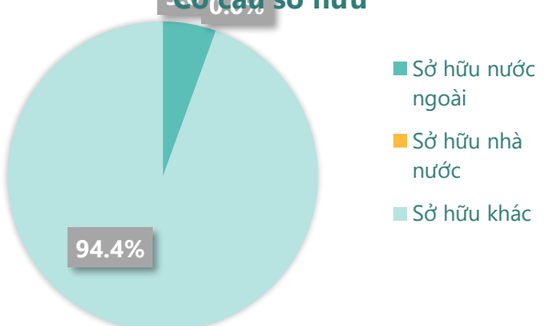
Cơ cấu cổ đông



- Đinh Thị Kim Dung
- CTCP Xây dựng U&I
- Võ Đình Ngọc
- Excelsior Oak Ltd
- Công ty TNHH Sản xuất xây dựng Thương mại Đồng Tâm
- Khác

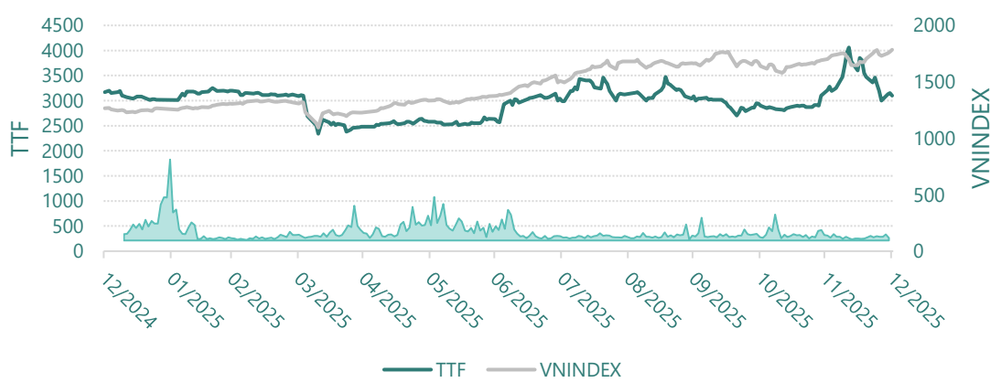
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



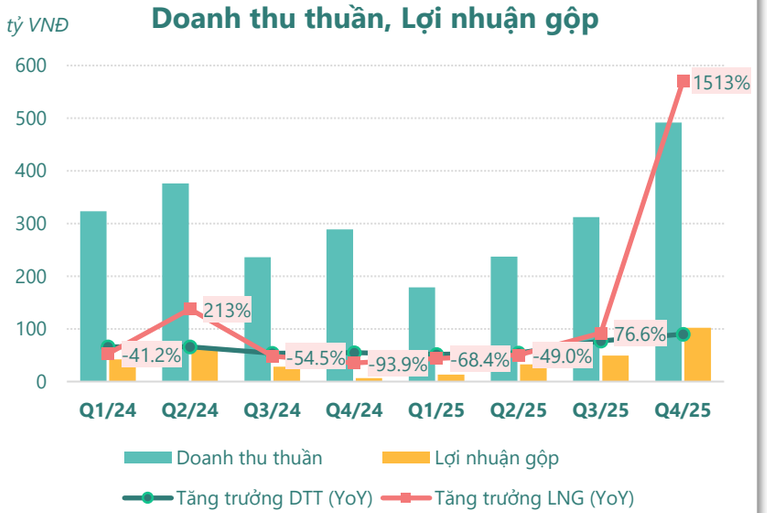
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



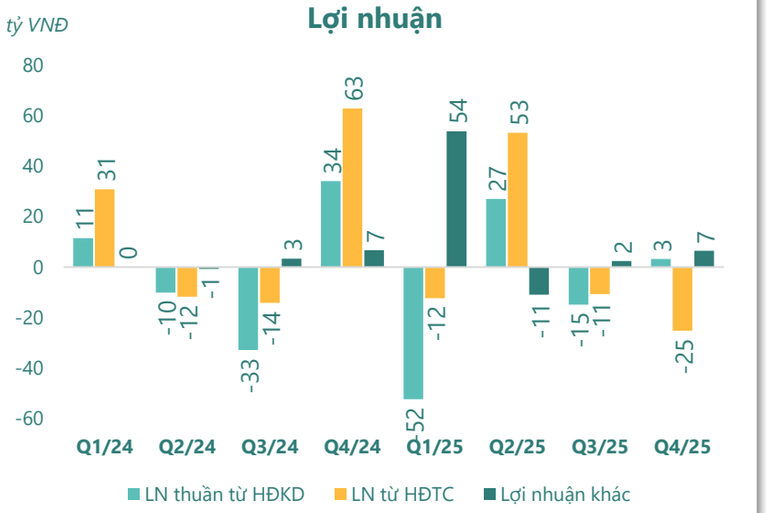
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



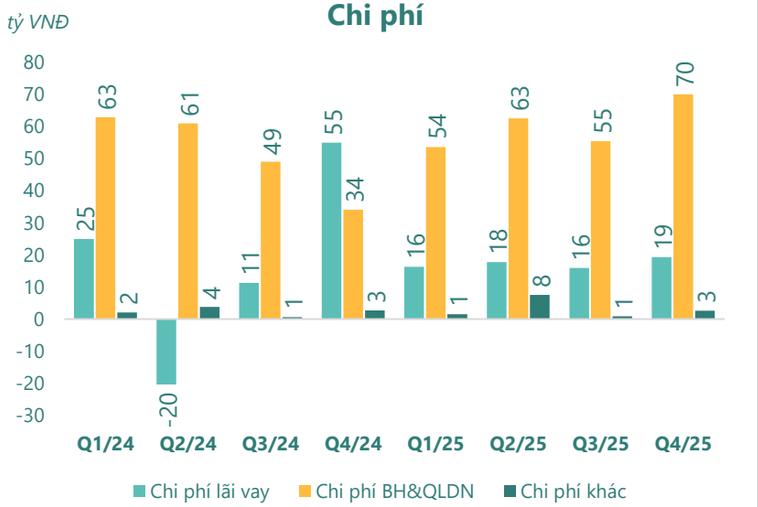
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



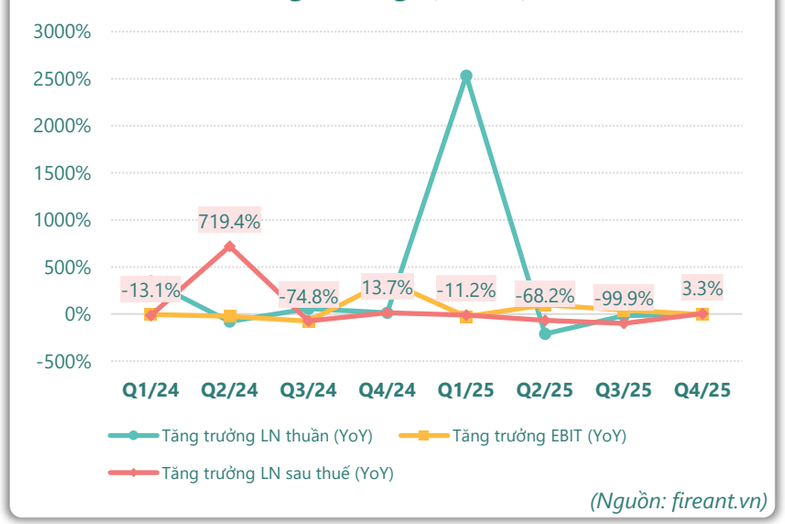
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



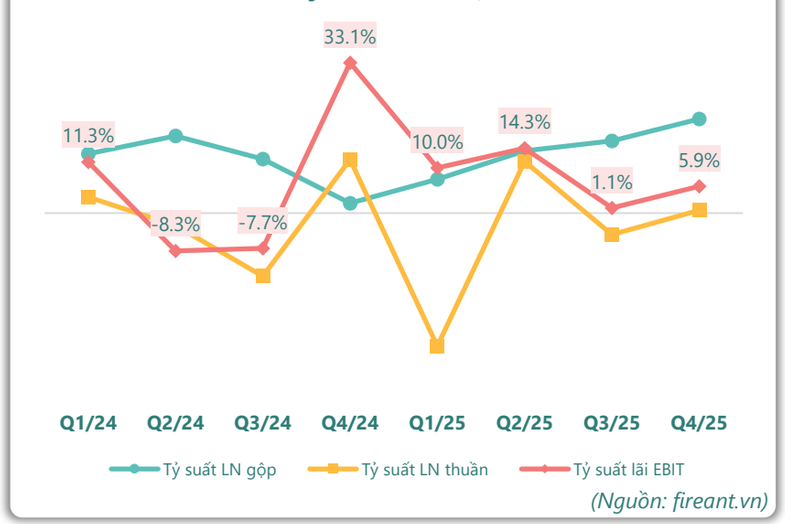
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



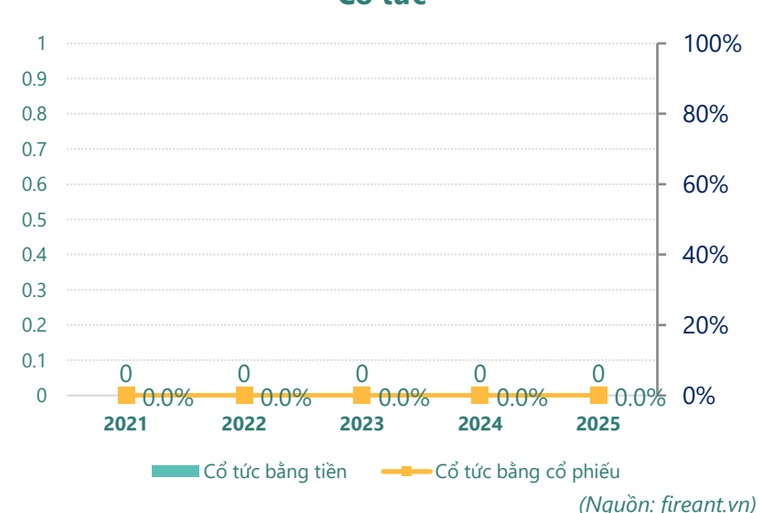
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

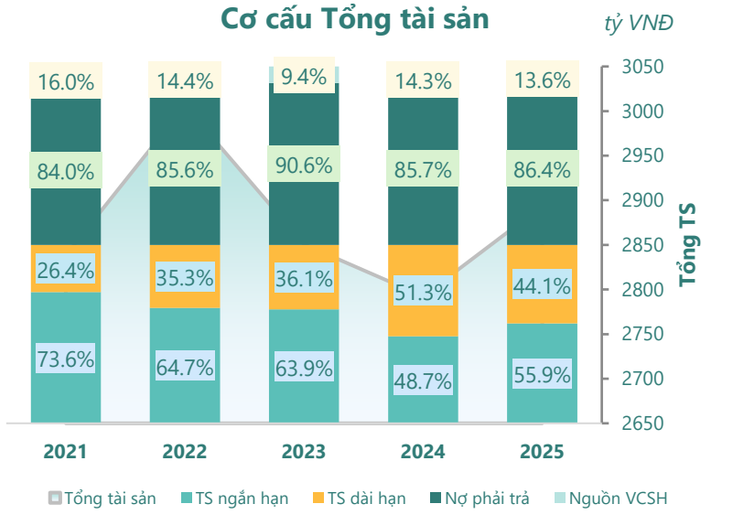
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

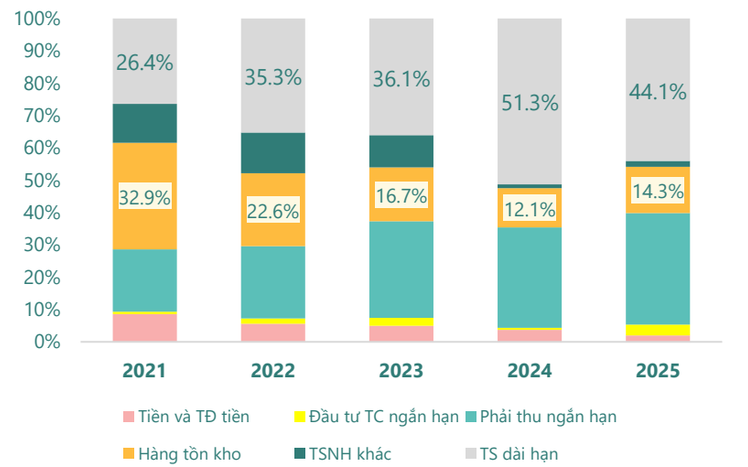
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



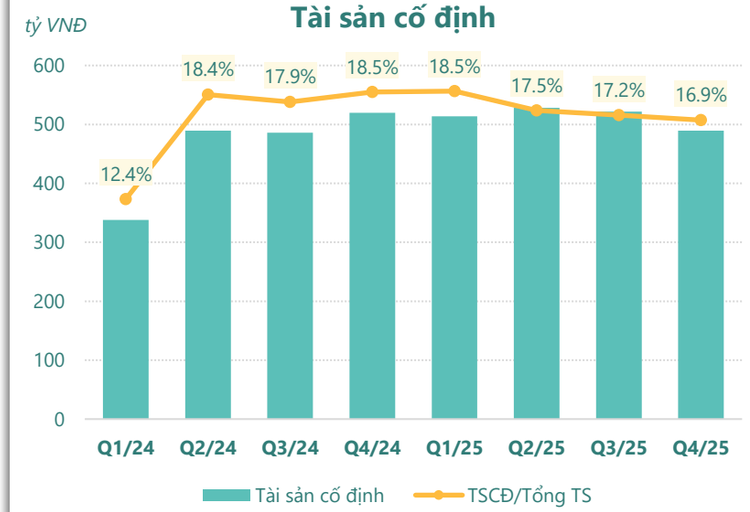
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



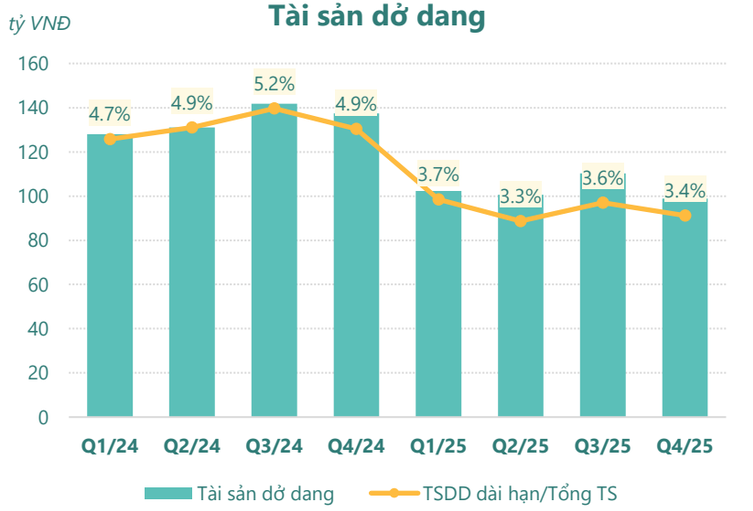
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



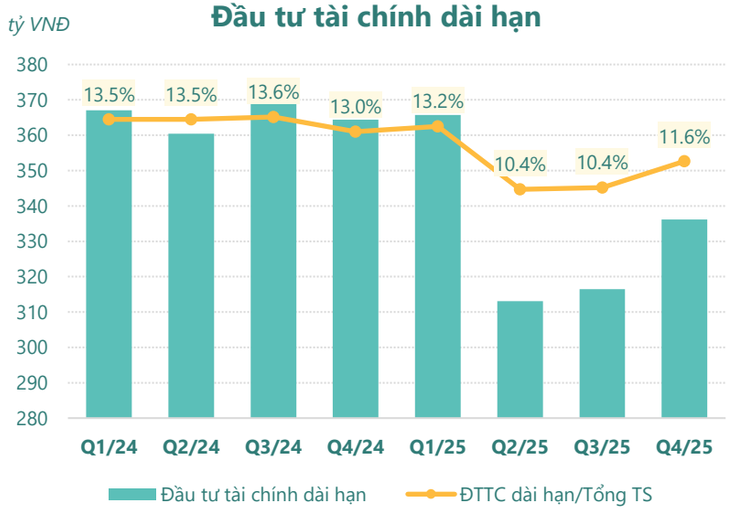
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



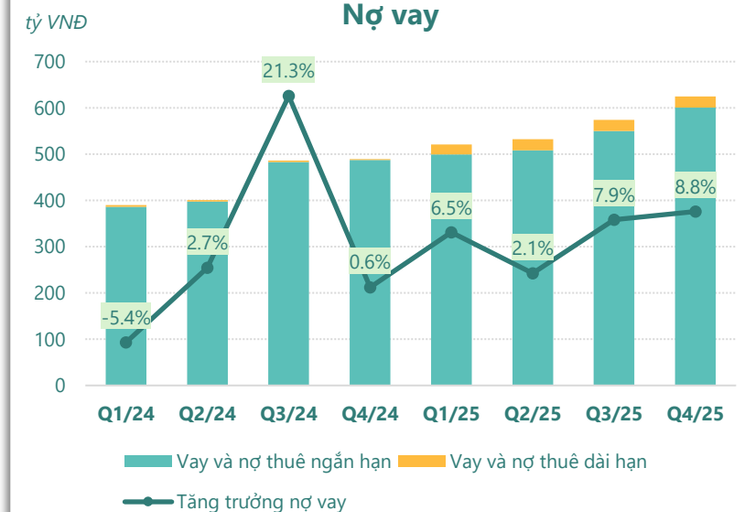
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

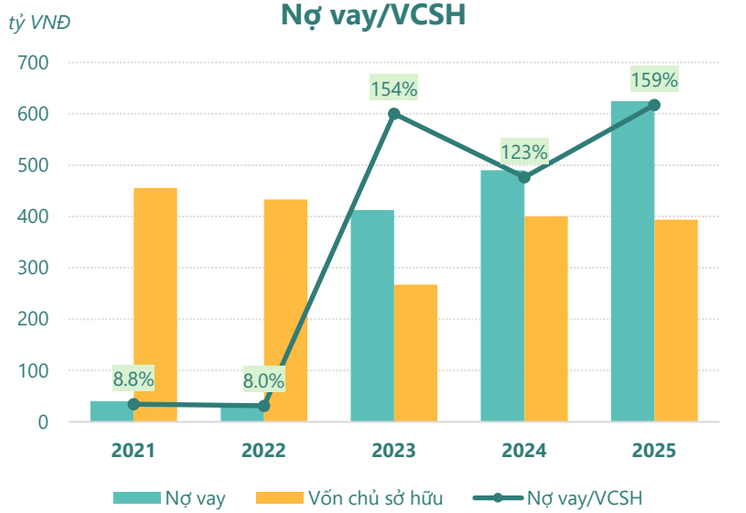
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

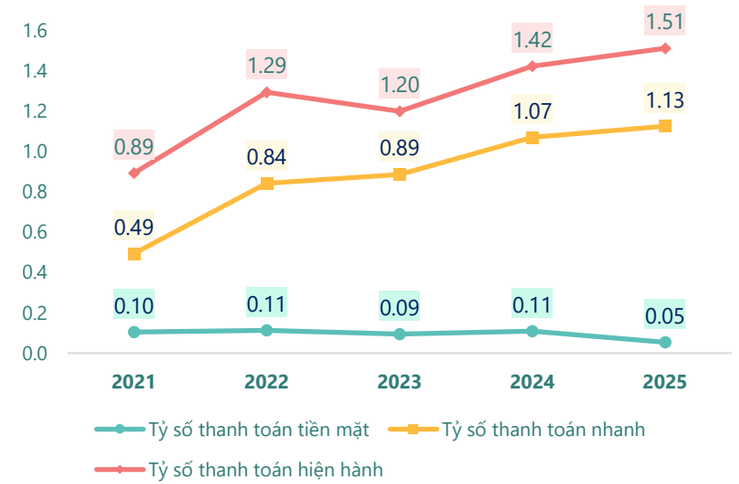
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



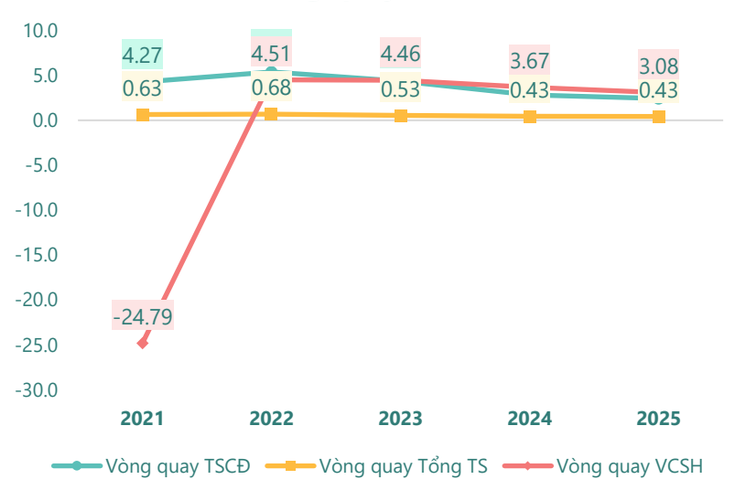
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



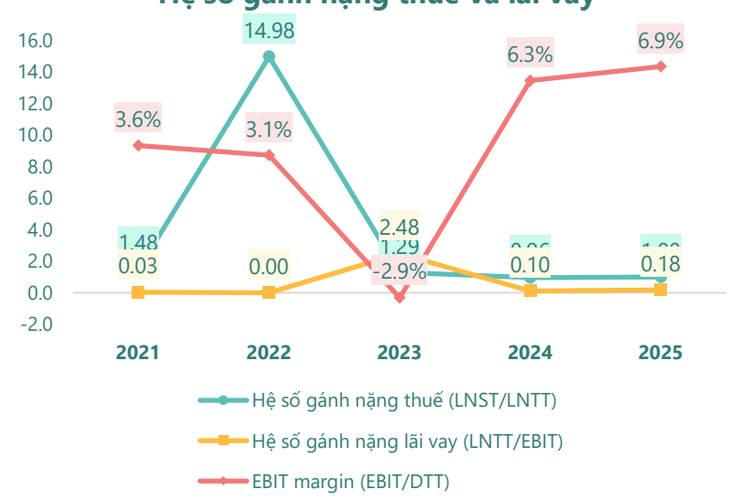
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



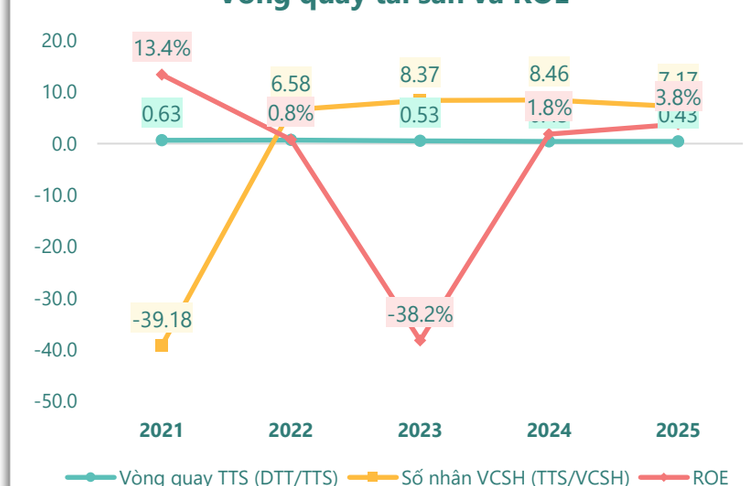
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



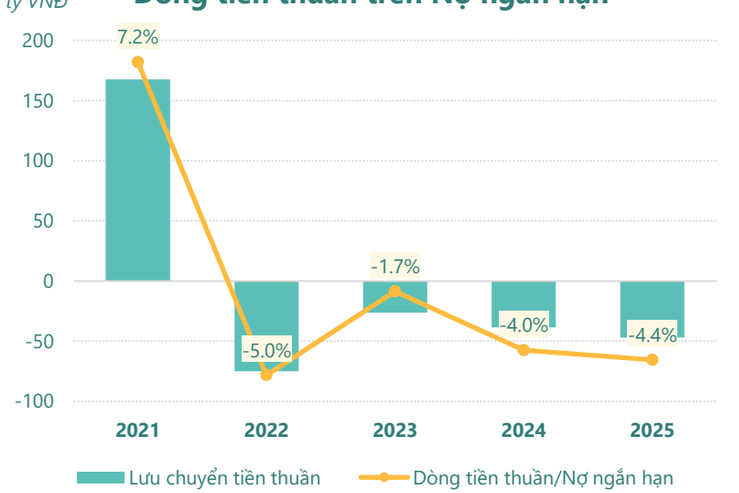
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**491**	**289**	**70.1%**	**1,220**	**1,223**	**-0.3%**
Giá vốn hàng bán	389	283	37.6%	1,022	1,097	-6.8%
Lợi nhuận gộp	102	6.32	1514%	198	126	56.3%
Doanh thu HĐTC	-2.70	81.1	-103%	79.7	84.2	-5.3%
Chi phí TC	22.5	18.2	23.7%	74.7	71.9	3.8%
Chi phí lãi vay	19.3	55.0	-65.0%	69.3	69.4	-0.1%
LN trong công ty LKLD	**-3.57**	**-1.07**	**-233%**	**2.08**	**2.33**	**-10.8%**
Chi phí bán hàng	28.4	29.8	-4.7%	117	119	-1.8%
Chi phí QLDN	**41.7**	**4.33**	**862%**	**125**	**55.8**	**124%**
LN thuần từ HĐKD	3.17	34.1	-90.7%	-37.0	-33.7	-10.1%
Lợi nhuận khác	**6.51**	**6.68**	**-2.6%**	**51.9**	**41.3**	**25.6%**
LN trước thuế	9.68	40.8	-76.3%	14.8	7.66	93.6%
Lợi nhuận sau thuế	**22.4**	**40.7**	**-45.0%**	**14.9**	**7.33**	**103%**
LNST của CĐ cty mẹ	**21.6**	**39.1**	**-44.7%**	**15.0**	**6.17**	**144%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.70	-34.5	53.6	-113	-122	-43.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-55.5	11.1	-6.36	138	-61.2	-4.16
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	85.3	2.67	31.2	-11.2	42.5	49.4
Tiền đầu kỳ	106	126	105	184	198	56.0
Lưu chuyển tiền thuần	**21.0**	**-20.7**	**78.5**	**13.8**	**-141**	**1.97**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.91	0.91	0.49	0.37	-0.79	-0.11
Tiền cuối kỳ	126	106	184	198	56.0	57.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,894**	**2,792**	**3.6%**
Tài sản ngắn hạn	1,619	1,361	19.0%
Tiền và tương đương tiền	57.8	105	-44.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	97.9	16.3	500%
Phải thu ngắn hạn	997	867	14.9%
Hàng tồn kho	414	338	22.5%
Tài sản ngắn hạn khác	52.3	34.2	52.8%
Tài sản dài hạn	**1,275**	**1,432**	**-10.9%**
Phải thu dài hạn	167	179	-6.3%
Tài sản cố định	489	515	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	98.9	112	-11.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	336	379	-11.2%
Tài sản dài hạn khác	**101**	**144**	**-30.0%**
Lợi thế thương mại	82.7	104	-20.3%
Nợ phải trả	2,500	2,393	4.5%
Nợ ngắn hạn	**1,071**	**956**	**11.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	601	467	28.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	186	214	-13.1%
Nợ dài hạn	1,429	1,436	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	23.8	22.8	4.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**394**	**400**	**-1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**393**	**400**	**-1.6%**
Vốn điều lệ	4,112	4,112	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.03**	**0.03**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)